

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH THU THUẾ: THỰC NGHIỆM TỪ CÁC QUỐC GIA ASEAN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

THE FACTORS AFFECTING TO TAX REVENUE: EVIDENCES FROM ASEAN COUNTRIES AND EXPERIENCES TO VIETNAM

Trần Xuân Hằng, Nguyễn Thị Kim Chi¹

Ngày nhận bài: 24/09/2018 Ngày chấp nhận đăng: 20/02/2019 Ngày đăng: 05/4/2019

Tóm tắt

Bài viết nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến doanh thu thuế của các quốc gia ASEAN cho bộ dữ liệu bảng cân bằng 7 quốc gia khu vực ASEAN trong giai đoạn 2008 – 2017 bằng kỹ thuật ước lượng hiệu ứng cố định (FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố về tỷ trọng công nghiệp và lạm phát tác động cùng chiều đến doanh thu thuế. Ngược lại các yếu tố về tỷ trọng nông nghiệp và độ mở thương mại tác động ngược chiều đến doanh thu thuế.

Từ khóa: Doanh thu thuế, ASEAN.

Abstract

The paper studies the factors affecting tax revenue by using a balanced dataset of 7 Asean countries between 2008 and 2017. We use the random – effect (REM) and fixed – effect models (FEM) for this paper. The results show that elements on industrial share and inflation affect positive to tax revenue. On the other hand, elements agricultural share and openness are negatively to tax revenue.

Keywords: Tax revenue, ASEAN.

1. Giới thiệu

Theo xu hướng vận động không ngừng của nền kinh tế thế giới, các quốc gia ASEAN đang trên con đường hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới. Bên cạnh những cơ hội nhận được thì các quốc gia phải đương đầu với những thách thức như cắt giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan để thực hiện tự do hóa thương mại. Tác động của quá trình hội nhập quốc tế đến tổng số thu thuế là khó có thể tránh khỏi. Xu hướng các nguồn thu thuế sẽ như thế nào và vai trò của thuế ngoại thương sẽ ở mức

độ nào là những vấn đề đáng quan tâm. Xét về nguồn thu, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) sẽ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi của việc giảm dần mức thuế suất, xuất hiện nhiều đối tượng nộp thuế khác nhau, giảm dần các chế độ ưu đãi thuế; nói về thuế xuất nhập khẩu (XNK) nguồn thu sẽ giảm khi thực hiện các cam kết thuế quan... Chính phủ đứng trước thách thức là làm thế nào để có thể hình dung được xu hướng về nguồn thu thuế trong tương lai và làm sao có thể tập trung vào các sắc thuế tạo ra nguồn thu ổn định, dễ thu nhưng không gây ra những bóp

¹ Trường Đại Học Tài chính – Marketing

méo về động cơ trong các hoạt động kinh tế và tạo sự bất mãn trong công chúng do cảm thấy gánh nặng thuế khóa và không công bằng.

Xét về cơ cấu thu thuế so với GDP, theo thống kê của World Bank (WB) nhóm nước có thu nhập chiếm tỷ trọng lớn là các sắc thuế gián thu đánh trên hàng hóa, dịch vụ trong nước; thuế đánh trên thu nhập còn thấp, nguồn thu thuế tài sản và bảo hiểm xã hội chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với GDP. Đối với nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và trung bình cao, tỷ trọng đóng góp của thuế gián thu giảm dần, thuế đánh

trên thu nhập tăng dần tỷ trọng, nguồn thu từ bảo hiểm xã hội chiếm tỷ trọng đáng kể ở nhóm nước có thu nhập trung bình cao nhưng còn thấp ở nước có thu nhập trung bình thấp. Với nhóm nước có thu nhập cao, đáng chú ý là tỷ trọng đóng góp của bảo hiểm xã hội cao gần bằng với thuế đánh vào thu nhập. Tuy nhiên, mức đóng góp thuế gián thu còn cao hơn thuế trực thu. Xu hướng thay đổi của một số sắc thuế cụ thể đó là: sự phổ biến áp dụng thuế giá trị gia tăng (GTGT), sự dịch chuyển khỏi thuế XNK và sự giảm thuế TNDN.

Bảng 1. Xu hướng nguồn thu thuế của các nhóm nước trên thế giới

NHÓM NƯỚC	NGUỒN THU THUẾ (% GDP)	
	1999 – 2000	Hiện nay
Nhóm nước có thu nhập cao	26 – 27%	~20%
Nhóm nước có thu nhập trung bình cao	21%	18 – 20%
Nhóm nước có thu nhập trung bình thấp	16%	~15%
Nhóm nước có thu nhập thấp	14%	

Nguồn: WDI

Xét về tổng số thu thuế, theo báo cáo Công bằng thuế Việt Nam 2017 tổng thu thuế liên tục tăng lên với mức tăng trung bình 13.7%/năm trong giai đoạn 2006 – 2016. Tốc độ tăng của tổng số thu thuế cũng đang có xu hướng giảm và ổn định ở mức 5 – 6% từ năm 2014. Thuế/GDP đã giảm từ mức khoảng 24% GDP (2006) xuống mức 18% GDP (2016). Tỷ lệ này của Việt Nam cao hơn hẳn so với các nước trong ASEAN.

2. Các yếu tố tác động đến doanh thu thuế

Các yếu tố tác động đến doanh thu thuế (đo lường bằng tỷ lệ tổng số thu thuế/GDP) đã là vấn đề được rất nhiều nhà nghiên cứu tranh luận. Các nghiên cứu thực nghiệm đã bao gồm các biến như: thu nhập bình quân đầu người, tỷ

trọng ngành kinh tế trong GDP, độ mở thương mại và tỷ lệ dân số.

Thu nhập bình quân đầu người được đại diện cho sự phát triển chung của nền kinh tế và được dự kiến tương quan cùng chiều với số thu thuế bởi vì nó được dự kiến sẽ là một chỉ số tốt về tổng thể mức độ phát triển kinh tế. Hơn nữa, theo quy luật Wagner, nhu cầu về các dịch vụ của Chính phủ thì co giãn theo thu nhập, vì vậy phần hàng hóa và dịch vụ được Chính phủ cung cấp dự kiến sẽ tăng lên theo thu nhập. Về mặt lý thuyết cho rằng tổng số thuế tăng lên khi mức độ phát triển kinh tế tăng. Thu nhập bình quân đầu người được sử dụng như một thước đo phát triển. Thu nhập bình quân đầu người cao hơn dẫn đến mức độ phát triển cao hơn, cuối cùng tạo ra khả năng trả thuế cao hơn cũng như

khả năng thu tiền và thu thuế cao hơn (Chelliah, 1971). Hầu hết các nghiên cứu cho thấy hai đại lượng này có mối tương quan cùng chiều.

Tỷ trọng ngành kinh tế trong GDP cũng là một vấn đề vì một số ngành kinh tế dễ thu thuế hơn những ngành khác. Trong nghiên cứu này tác giả quan tâm đến tỷ trọng ngành nông nghiệp và tỷ trọng ngành công nghiệp.

❖ **Tỷ trọng ngành nông nghiệp** được đo bằng tỷ trọng của nó trong GDP. Nông nghiệp vốn là khu vực khó thu thuế. Leuthold (1991) sử dụng dữ liệu bảng để tìm một tác động cùng chiều từ tỷ trọng mẫu dịch, nhưng tác động ngược chiều từ tỷ trọng ngành nông nghiệp. Stotsky và Wolde Mariam (1997) thấy rằng cả tỷ trọng ngành nông nghiệp và tỷ trọng ngành khoáng sản ảnh hưởng ngược chiều đến số thu thuế, trong khi tỷ trọng xuất khẩu và thu nhập bình quân đầu người có tác động cùng chiều. Ghura (1998) kết luận rằng số thu thuế tăng lên với thu nhập bình quân đầu người và độ mở thương mại và giảm với tỷ trọng ngành nông nghiệp. Như vậy, tỷ trọng ngành nông nghiệp cao hơn làm giảm tổng số thu thuế.

❖ **Tỷ trọng ngành công nghiệp** được đo bằng tỷ trọng của nó trong GDP. Qua nghiên cứu thực nghiệm Ajaz và Ahmeh (2010) kết luận tỷ trọng ngành công nghiệp tác động cùng chiều đến tổng số thu thuế. Như vậy, tỷ trọng ngành công nghiệp cao hơn làm tăng tổng số thu thuế.

Độ mở thương mại đo lường bằng tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu trong GDP, cũng là vấn đề quan trọng trong tổng số thu thuế, bởi vì nhập khẩu và xuất khẩu đều phải chịu thuế. Lịch sử nghiên cứu cho thấy có hai trường phái đối lập là những người ủng hộ rằng độ mở thương mại tác động tích cực đến tổng thu thuế bởi những lợi

ích nó mang đến cho nền kinh tế và những người cho rằng quá trình này đang gây ảnh hưởng tiêu cực cho sự phát triển kinh tế. Theo quan điểm truyền thống, các nhà nghiên cứu đồng nhất tự do hóa thương mại như độ mở thương mại như Cameron (1978), Leamer (1988), Rodrik (1996), Rodriguez (2000), Andersen và Babula (2008). Theo Lotz và Morss (1967) thấy rằng thu nhập bình quân đầu người và độ mở thương mại là yếu tố quyết định đến tổng số thu thuế. Tương tự, Keen và Simone (2004) cho rằng số thu thuế có thể tăng khi tự do hóa thương mại thông qua thuế quan của hạn ngạch, ngoại trừ việc miễn, giảm mức thuế cao và cải thiện trong thủ tục hải quan. Trường phái ngược lại so với các tác giả trên là các nghiên cứu của Cagé & Gadenne (2012), Khattry & Mohan Rao (2002) khi cho rằng độ mở thương mại tác động ngược chiều với số thu thuế.

Lạm phát được sử dụng để đo lường môi trường chính sách kinh tế. Nó phản ánh được tác động của chính sách kinh tế vĩ mô. Các tài liệu liên quan đến tác động của lạm phát đến tổng số thu thuế thì đa dạng và khó mô tả. Một số tài liệu trước đây cho thấy lạm phát cao làm tăng tổng số thu thuế, nhưng tài liệu gần đây cho thấy rằng tình trạng này phụ thuộc vào chọn độ trễ. Tanzi (1977) giải thích rằng sự kết hợp của lạm phát cao, độ trễ trung bình tương đối dài trong thu thuế và sự ít co giãn của hệ thống thuế dẫn đến số thu thuế thực giảm mạnh khi có lạm phát xảy ra.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên cách tiếp cận của Terence D. Agbeyegbe và cộng sự (2005) nhóm tác giả có mô hình nghiên cứu thực nghiệm như sau:

$$TAX_{it} = \alpha + \beta_1 LNGDP_{it} + \beta_2 AGRI_{it} + \beta_3 INDU_{it} + \beta_4 OPEN_{it} + \beta_5 INFL_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

Doanh thu thuế (TAX): tổng số thu hoàn toàn từ thuế của Chính phủ (% GDP)

Thu nhập bình quân đầu người (GDP): ln (GDP)

Tỷ trọng ngành nông nghiệp (AGRI): tổng giá trị gia tăng trong ngành công nghiệp (% GDP)

Tỷ trọng ngành công nghiệp (INDU): tổng giá trị gia tăng trong ngành công nghiệp (% GDP)

Độ mở thương mại (OPEN): tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu (% GDP)

Tỷ lệ lạm phát (INFL): lạm phát hàng năm (%)

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu thu thập trong nghiên cứu là của 7 quốc gia ASEAN (Cambodia, Indonesia, Lao, Malaysia, Philippines, Thailand, Viet Nam) trong giai đoạn từ năm 2007 – 2016. Có 3 quốc gia không có trong mô hình nghiên cứu gồm: Myanmar do không đủ số liệu; Singapore và Brunei đều là những nước có mức thu nhập

bình quân đầu người rất cao. Các dữ liệu này được khai thác từ bộ dữ liệu về các chỉ số phát triển toàn cầu của Ngân hàng Thế giới (WDI). Các quốc gia này có đặc điểm chung là nền kinh tế dựa vào xuất khẩu và có mức tiết kiệm quốc gia trên GDP khá cao với mức trung bình 30%.

4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến cho mẫu chính

BIẾN	QUAN SÁT	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH	NHỎ NHẤT	LỚN NHẤT
TAX	70	14.21523	2.925465	9.647781	22.40083
LNGDP	70	16.13936	7.183054	8.460228	34.55731
AGRI	70	34.21973	6.235114	21.66174	48.06074
INDU	70	4.67131	4.95029	-5.992098	22.67332
INFL	70	93.18854	44.25641	30.07712	190.2232
OPEN	70	7.909758	0.7642532	6.604259	9.322215

Nguồn: Theo tính toán của nhóm tác giả.

Bảng 3. Kết quả hồi quy theo các phương pháp

VARIABLES	OLS	FEM	REM
	TAX	TAX	TAX
LNGDP	-3.654864*** (0.000)	.0702722 (0.947)	-2.060347** (0.034)
AGRI	-.4760403*** (0.000)	-.2223905* (0.064)	-.3667248*** (0.001)
INDU	-.0484206 (0.355)	.188736 ** (0.023)	.0217187 (0.780)

	OLS	FEM	REM
VARIABLES	TAX	TAX	TAX
INFL	.1187252 ** (0.012)	.0904216*** (0.009)	.0997374** (0.012)
OPEN	.0595163*** (0.000)	-.0320151 ** (0.019)	.0209926* (0.053)
_cons	46.36341*** (0.000)	13.3512 (0.235)	33.2654*** (0.001)
Quan sát/QG	70/7	70/7	70/7
Hausman test	P_value = 0,0000		

*** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$.

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Để đánh giá tác động của tự do hóa thương mại, tỷ giá hối đoái đến doanh thu thuế, tác giả dự kiến sử dụng các phương pháp ước lượng cho dữ liệu bảng như hồi quy bình phương tối thiểu dạng gộp (Pooled – OLS), hiệu ứng ngẫu nhiên (RE) và hiệu ứng cố định (FE) để ước lượng hệ số hồi quy các loại thuế. Bằng các kiểm định cần thiết như: F-test, Hausman test. Tác giả tiến hành xác định phương pháp ước lượng nào là phù hợp nhất đối với mô hình nghiên cứu. Kiểm định Hausman cho phép chọn mô hình hồi quy FEM.

Theo kết quả nghiên cứu, tỷ trọng ngành nông nghiệp tác động tiêu cực đến số thu thuế. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Woldemariam (1997), Ghura (1998), Leothold (1991), Gupta (2007), cho rằng tại các quốc gia đang phát triển phần lớn phát triển nông nghiệp, tuy nhiên hoạt động nông nghiệp này được phát triển nhỏ lẻ ở từng hộ gia đình nên không tạo thành dư thừa thuế lớn. Bên cạnh đó, các quốc gia này phần lớn hỗ trợ cho nông nghiệp bằng nhiều hình thức, trong đó có ưu đãi, miễn giảm thuế cho sản phẩm nông nghiệp, thu nhập từ nông nghiệp..., nên khi tỷ trọng ngành nông nghiệp gia tăng do phát triển nông nghiệp, thì

thường các quốc gia đang phát triển có số thu thuế từ nông nghiệp giảm đi.

Nghiên cứu của tác giả cho thấy độ mở thương mại cũng tác động tiêu cực đến tổng số thu thuế. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Khattri & Mohan Rao (2002), Cagé & Gadenne (2012), cho rằng khi các quốc gia càng mở cửa nền kinh tế, gia nhập vào các tổ chức thương mại, việc thực hiện các cam kết chủ yếu về thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu sẽ dẫn đến tổng số thu thuế giảm đi đáng kể. Điều này được hầu hết các quốc gia đang phát triển đặc biệt quan tâm trong quá trình hội nhập nhưng vẫn muốn bảo toàn số thu thuế của mình.

Tuy nhiên, khi xem xét tác động của các biến tỷ trọng công nghiệp và lạm phát đến số thu thuế, kết quả của tác giả cho thấy chúng có tác động cùng chiều với tổng thu thuế. Kết quả này trùng với các nghiên cứu của Velaj & Prendi (2014), Basirat và cộng sự (2014). Điều này được giải thích tại đa số các quốc gia đang phát triển, ngành công nghiệp được chú trọng phát triển và có sự dịch chuyển lớn từ giá trị các ngành khác sang công nghiệp, nên là ngành dễ tạo ra giá trị sản phẩm hàng hóa, thu nhập cao hơn, từ đó Chính phủ thu được nhiều thuế hơn.

Bên cạnh đó, lạm phát tăng hoặc giảm cũng tác động cùng chiều đến doanh thu thuế bởi hầu hết các quốc gia thu thuế hiện nay đều lấy đơn vị tiền tệ làm thước đo số thu thuế.

5. Liên hệ kết quả nghiên cứu và số thu thuế tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

- Bối cảnh hội nhập:

Việc hình thành Cộng đồng kinh tế (AEC) sẽ mang lại cả lợi ích và thách thức cho Việt Nam do phải thực hiện cắt giảm hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu từ cộng đồng AEC về 0% vào năm 2018; như vậy, mức độ thâm hụt ngân sách có thể gia tăng trong thời gian tới. Theo kết quả nghiên cứu về tác động của Việt Nam tham gia AEC cho thấy nguồn thu ngân sách có thể bị giảm do xóa bỏ thuế nhập khẩu lên đến 320 triệu USD, tương đương với 75% tổng số thu thuế quan từ nhập khẩu ASEAN. Hơn nữa trong cơ cấu nguồn thu ngân sách nhà nước, tỷ trọng thu từ thuế xuất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt hiện chiếm tỷ trọng trên dưới 20%, chứng tỏ nguồn thu ngân sách nhà nước đang phụ thuộc lớn vào các loại thuế này.

Theo thống kê về số thu ngân sách nhà nước từ xuất nhập khẩu so với quy mô GDP hàng năm, Việt Nam là một quốc gia có độ mở cửa rất lớn và tăng trưởng kinh tế phần lớn dựa vào xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, lẽ ra kim ngạch xuất nhập khẩu tăng sẽ kéo theo thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải tăng theo, mặc dù hàng năm kim ngạch xuất nhập khẩu vẫn tăng, nhưng thu thuế ngân sách từ thuế lại giảm đi. Vấn đề này, được lý giải do thuế xuất nhập khẩu bị cắt giảm hoặc xóa bỏ theo các cam kết hội nhập. Riêng đối với cam kết nội khối AEC, thời gian cắt giảm hàng loạt sản phẩm, hàng hóa có thuế

suất bằng 0% có hiệu lực từ năm 2018 trở đi. Vì vậy, trong ngắn hạn, quy mô thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu sẽ vẫn duy trì, nhưng từ năm 2018 có thể lực giảm thu ngân sách sẽ rất rõ. Có thể giải thích vấn đề này với những lý do sau:

+ Việt Nam cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế, trong những mặt hàng xóa bỏ thuế có rất nhiều mặt hàng thuộc về nguyên liệu sản xuất hoặc hàng tiêu dùng phổ biến đang chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch nhập khẩu như: dệt may, giày dép, đồ gỗ, hóa chất, gạo...

+ Các nước thành viên trong FTA đều là đối tác thương mại chủ chốt của nước ta như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp:

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, ngành nông nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng chậm lại trong thời gian gần đây, nông nghiệp chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm còn thấp... Điều đó cho thấy cần phải tiếp tục thực hiện những chính sách hỗ trợ, trong đó có chính sách thuế, nhằm thúc đẩy ngành nông nghiệp. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đối chiếu với chính sách thuế của Việt Nam cho thấy, vẫn còn nhiều dư địa để triển khai chính sách thuế nhằm thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển như: (i) Tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp cho tới sau năm 2020; (ii) Tập trung ưu đãi thuế TNDN đối với sản xuất máy móc thiết bị, dây chuyền, các sản phẩm đầu vào cho ngành nông nghiệp; miễn giảm thuế đối với thu nhập từ ngành nông nghiệp... của các đơn vị sản xuất; (iii) Miễn, giảm thuế TNCN đối với thu nhập từ sản phẩm nông nghiệp, thu nhập từ cổ tức đầu tư vào

ngành nông nghiệp... Như vậy, chính sách miễn giảm thuế để phát triển nông nghiệp sẽ tiếp tục làm giảm số thu thuế từ lĩnh vực này trong thời gian tới của Việt Nam.

- Ngành công nghiệp:

Tại Việt Nam, chuyên dịch của khu vực công nghiệp theo hướng hình thành, phát triển một số ngành và sản phẩm mới thay thế nhập khẩu, ở khía cạnh hiệu quả kinh tế, một số loại sản phẩm được sản xuất ra với khối lượng ngày càng lớn. Nguyên nhân chủ yếu của những thành tựu trong khu vực công nghiệp trong thời gian qua là do: Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách thương mại, thông qua mối quan hệ giữa các chính sách thuế và các chính sách khác như trợ cấp, đầu tư...

và trên thực tế đã cải thiện rõ môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp đã và đang tận dụng mọi cơ hội để vươn lên trong môi trường cạnh tranh, giành lấy và mở rộng thị phần trên thị trường, định hướng đúng việc tập trung vào nhóm các sản phẩm có lợi thế so sánh trong xuất khẩu và khả năng cạnh tranh cao,... từ đó đóng góp nhiều vào số thu thuế từ công nghiệp.

Tóm lại, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế xu hướng cam kết cắt giảm thuế và các ràng buộc thuế sẽ tác động đến nguồn thu ngân sách của Chính phủ là điều không thể tránh khỏi. Các quốc gia cần căn cứ theo điều kiện thực tế của mình để có từng giải pháp phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- Basirat, M., Aboodi, F., & Ahangari, A. (2014). Analyzing the effect of economic variables on total tax revenues in Iran. *Asian Economic and Financial Review*, 4(6), 755.
- Castro, G. Á., & Camarillo, D. B. R. (2014). *Determinants of tax revenue in OECD countries over the period 2001–2011*. *Contaduría y Administración*, 59(3), 35-59.
- Fredriksson, P. G., & Matschke, X. (2016). Trade liberalization and environmental taxation in federal systems. *The Scandinavian Journal of Economics*, 118(1), 150-167.
- Jaffri, A. A., Tabassum, F., & Asjed, R. (2015). An empirical investigation of the relationship between trade liberalization and tax revenue in Pakistan. *Pakistan Economic and Social Review*, 53(2), 317.
- Thomas Baunsgaard and Michael Keen (2010). *Tax Revenue and (or?) Trade Liberalization*.
- Tosun, M. S., & Abizadeh, S. (2005). *Economic growth and tax components: an analysis of tax changes in OECD*. *Applied Economics*, 37(19), 2251-2263.
- Tosun, M. S. (2006). *The tax structure and trade liberalization of the Middle East and North Africa region*. *Review of Middle East Economics and Finance*, 3(1), 21-38.